

Bản án số: 43/2026/HS – ST
Ngày: 22 – 01 – 2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Hạnh Sơn

2/ Ông Đặng Văn Ân

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Diệp - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 - Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 436/2025/TLST – HS ngày 10/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2025/QĐXXST – HS ngày 26/12/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Hồng T, sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 00/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Huỳnh Văn M; họ và tên mẹ: Phạm Thị Mỹ D; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 11/10/2023, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 20 tháng theo Quyết định số 397/QĐ-TA. Ngày 04/02/2025, chấp hành xong.

Nhân thân:

Ngày 06/7/2016, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 181/2016/HSST.

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2016, bị cáo được miễn chấp hành án phí.

Ngày 10/11/2017, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 308/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2019, chấp hành xong hình phạt tù, đóng án phí ngày 24/8/2018.

Ngày 01/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng, theo Quyết định số 433/QĐ-TA. Ngày Chấp hành xong Quyết định ngày 24/9/2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2025 (có mặt).

Bị hại: Bà Thái Ngọc H, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: A25/19 ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Đương sự Nguyễn Gia L, sinh ngày 26/01/2011 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 2A/8 Hưng P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Quách Duy A, sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: A25/19 ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Diệp Bảo T, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 256/23C Phạm Văn C, phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Võ Ngọc T1, sinh năm: 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: D5/159 xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của đương sự Nguyễn Gia L: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 2A/8 Hưng P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 31/5/2025, Nguyễn Gia L (sinh ngày 26/02/2011) điều khiển xe mô tô biển số 54K5-2454 chở Phạm Hồng T và con của T (sinh ngày 10/10/2023) đi chơi. Khi đến trước địa chỉ số A25/19, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh thì T phát hiện xe mô tô biển số 69B1-232.16 của bà Thái Ngọc H đang đậu trước nhà không khóa cổ, không người trông coi nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, T kêu L quay xe lại vị trí trên để T xuống xe rồi lên lút ngòai lên xe mô tô biển số 69B1-232.16 dùng chân đẩy bộ một đoạn. Sau đó, T kêu L điều khiển xe mô tô biển số 54K5-2454

đẩy xe mô tô biển số 69B1-232.16 do T điều khiển tẩu thoát về hướng Quốc lộ A.

Khi T và L đi được 10 mét thì T tiếp tục kêu L đổi xe cho nhau rồi T điều khiển xe mô tô biển số 54K5-2454 của T đẩy xe mô tô biển số 69B1-232.16 do L điều khiển đến tiệm chìa khóa Hoàng T gặp ông Võ Ngọc T1 để làm chìa khóa với giá 100.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 69B1-232.16, còn L điều khiển xe mô tô 54K5-2454 đi tìm chỗ bán xe nhưng không được nên cả hai cùng nhau đi về nhà hoang tại số A16/16QD, ấp A, xã B để giấu xe mô tô biển số 69B1-232.16 vừa trộm được.

Sau khi phát hiện bị mất xe, bà Thái Ngọc H đến Công an xã B trình báo. Qua truy xét, Công an xã B xác định Phạm Hồng T và Nguyễn Gia L là người trộm cắp xe của bà H nên tiến hành đưa T và L đến trụ sở làm việc, thu hồi vật chứng và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra xử lý.

Bản Kết luận định giá tài sản số 1346/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 69B1-232.16, số khung 6307FZ814846, số máy JF63E1807886 có trị giá 15.000.000 đồng (Bút lục 200-202).

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hồng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của Nguyễn Gia L và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: 01 USB; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 69B1-232.16, số khung 6307FZ814846, số máy JF63E1807886; 01 xe mô tô biển số 54K5-2454, số khung Y759852, số máy E0210974; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54K5-2454; 01 áo thun tay ngắn màu đen, 01 quần thun dài màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 đôi dép màu đen; 01 áo thun tay ngắn, 01 quần jean màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 đôi dép; 01 điện thoại Iphone 7.

Tại bản Cáo trạng số 130/CT – VKS – HS ngày 08 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Hồng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo. Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử lý vật chứng theo quy định.

Bị hại Thái Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ; các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Hồng T tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 42 – 49, 83 – 84, 205 – 212); phù hợp với lời khai của bị hại bà Thái Ngọc H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đương sự Nguyễn Gia L, ông Quách Duy A, ông Võ Ngọc T1 tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai; bản ảnh hiện trường, Kết quả định giá tài sản...cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 31/5/2025, tại trước địa chỉ A25/19, ấp 11, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Hồng T cùng đồng phạm Nguyễn Gia L (sinh ngày 26/02/2011) đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 69B1-232.16 của bà Thái Ngọc H có trị giá 15.000.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 1346/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện B).

Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Hồng T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp

luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân bị cáo: Tính đến ngày phạm tội bị cáo có 01 tiền sự chưa được xóa và có nhân thân rất xấu 02 lần bị tòa kết án về nhóm tội xâm phạm sở hữu, 01 lần áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cụ thể:

[4.1] Về tiền sự: Ngày 11/10/2023, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 20 tháng theo Quyết định số 397/QĐ-TA.

[4.2] Về nhân thân: Ngày 06/7/2016, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 181/2016/HSST; ngày 10/11/2017, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 308/2017/HSST; ngày 01/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng, theo Quyết định số 433/QĐ-TA.

Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân của bị cáo mà có mức án nghiêm khắc.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Hồng T xúi giục Nguyễn Gia L (sinh ngày 26/02/2011) là người dưới 18 tuổi phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử bị cáo.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với Nguyễn Gia L (sinh ngày 26/02/2011) chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với L là có căn cứ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với ông Võ Ngọc T1 có hành vi làm chìa khóa mới cho bị cáo nhưng không biết xe mô tô trên do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với ông T1 là có cơ sở, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 69B1-232.16, số khung 6307FZ814846, số máy JF63E1807886. Qua xác minh xe mô tô trên thuộc sở hữu của ông Quách Duy A (con ruột bà Thái Ngọc H), ông A giao xe

mô tô trên cho bà H sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả xe trên cho bà H, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô biển số 54K5-2454, số khung Y759852, số máy E0210974; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54K5-2454. Qua xác minh do bà Diệp Bảo T đứng tên giấy đăng ký, vào khoảng tháng 5/2025 bà T đã bán xe mô tô trên cho người đàn ông tên Khanh tại Quận A. Sau đó, T mua lại xe mô tô trên từ ông Khanh với giá 7.900.000 đồng nhưng không sang tên. Cơ quan điều tra đã đăng báo nhưng đến nay chưa có người liên hệ giải quyết. Do thời hạn đăng báo chưa đủ thời gian theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiếp tục tuyên giao xe này cho Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với 01 USB ghi nhận diễn biến quá trình bị cáo lấy trộm xe mô tô biển số 69B1-232.16 của bà Thái Ngọc H vào ngày 31/5/2025 tại trước địa chỉ số A25/19, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án

Đối với 01 áo thun tay ngắn màu đen, 01 quần thun dài màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 đôi dép màu đen; 01 áo thun tay ngắn, 01 quần jean màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 đôi dép là trang phục bị cáo và L mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, xét đồ vật này không còn giá trị sẽ tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại Iphone 7, thuộc quyền sở hữu của bị cáo sử dụng để liên lạc cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo trong vụ án này.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Thái Ngọc H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm o Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2025.

Về vật chứng:

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB bên trong có chứa dữ liệu video clip ghi nhận diễn biến vụ trộm cắp tài sản (vật chứng này đang lưu hồ sơ vụ án);

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun tay ngắn màu đen, 01 quần thun dài màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 đôi dép màu đen; 01 áo thun tay ngắn, 01 quần jean màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 đôi dép.

Tạm giữ của bị cáo Phạm Hồng T 01 điện thoại Iphone 7 để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo trong vụ án này.

Giao Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh 01 xe mô tô biển số 54K5-2454, số khung Y759852, số máy E0210974; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54K5-2454 để đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, theo Biên bản giao nhận tang tài vật được lập vào ngày 08/12/2025 giữa Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 và Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10. TPHCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực Bình Trị Đông (cơ sở);
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS.KV10-TP.HCM
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn